

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC NĂM 2016
 Kèm theo quyết định số 1958 /QĐ-KHTN-SDH ngày 23/12/2016
 của Hiệu trưởng Trường ĐH KH TN

Stt	Mã số HV	Họ và tên	GT	Ngày sinh	Nơi sinh	Ngành	Đối tượng	Cơ quan công tác
373	16C 65 003	Ngô Thị Minh Huyền	Nữ	12/09/1984	Đắk Lắk	Sinh thái học		
374	16C 65 004	Nguyễn Phát Tài	Nam	01/06/1993	Tây Ninh	Sinh thái học		
375	16C 65 005	Trần Thành Thái	Nam	25/10/1992	Bến Tre	Sinh thái học	CTS	
376	16C 65 006	Nguyễn Thị Hồng	Nữ	21/08/1992	Quảng Ngãi	Sinh thái học		
377	16C 65 007	Nguyễn Thế Văn	Nam	15/09/1983	Khánh Hòa	Sinh thái học		
378	16C 65 008	Lê Thị Son	Nữ	19/01/1994	Bình Dương	Sinh thái học	Tự do	
379	16C 65 009	Lương Đức Thiện	Nam	15/10/1985	TP. Hồ Chí Minh	Sinh thái học	Nghiên cứu viên	Viện Sinh học nhiệt đới
380	16C 65 010	Ngô Nguyễn Như Ý	Nữ	18/09/1994	TP. Hồ Chí Minh	Sinh thái học	CTS	
381	16C 66 001	Nguyễn Thị Kim	Nữ	04/11/1991	Huế	Di truyền học		
382	16C 66 002	Lý Kim Anh	Nữ	08/06/1992	Bạc Liêu	Di truyền học	CTS	
383	16C 66 003	Vũ Ngọc Bích	Nữ	08/05/1993	Đồng Nai	Di truyền học		
384	16C 66 004	Võ Thanh Bình	Nam	17/05/1986	TP. Hồ Chí Minh	Di truyền học		
385	16C 66 005	Võ Thanh Bình	Nam	09/09/1991	TP. Hồ Chí Minh	Di truyền học		
386	16C 66 006	Trịnh Hữu Định	Nam	16/05/1987	Thanh Hóa	Di truyền học		
387	16C 66 008	Trần Ngọc Hương	Nữ	29/04/1993	Đồng Nai	Di truyền học		
388	16C 66 009	Võ Phước Khánh	Nam	01/01/1991	Quảng Nam	Di truyền học		
389	16C 66 010	Mai hữu Phương	Nam	02/10/1993	Bình Định	Di truyền học		
390	16C 66 011	Huỳnh Thị Phương	Nữ	07/07/1991	Tây Ninh	Di truyền học		
391	16C 66 012	Hoàng Kim Sơn	Nam	21/11/1991	Khánh Hòa	Di truyền học		
392	16C 66 013	Nguyễn Xuân Thắng	Nam	12/10/1991	Hà Tĩnh	Di truyền học		
393	16C 66 014	Phạm Thị Thanh	Nữ	15/10/1989	TP. Hồ Chí Minh	Di truyền học		
394	16C 66 015	Trần Vũ Uyên	Nữ	11/06/1993	Bình Thuận	Di truyền học		
395	16C 66 016	Nguyễn Văn Phú	Nam	30/12/1993	Thừa Thiên Huế	Di truyền học	Tự do	
396	16C 66 017	Lê Ngọc Huyền	Nữ	07/07/1993	Ninh Thuận	Di truyền học	Tự do	
397	16C 66 018	Châu Thị Lệ	Nữ	02/07/1988	Đắk Lắk	Di truyền học	Tự do	
398	16C 66 019	Hồng Thị Khánh	Nữ	23/04/1980	Sóc Trăng	Di truyền học	Tự do	
399	16C 66 020	Nguyễn Huỳnh Hương	Nữ	08/10/1994	TP. Hồ Chí Minh	Di truyền học	Tự do	
400	16C 66 021	Trần Uyên Nhi	Nữ	22/01/1994	TP. Hồ Chí Minh	Di truyền học	CTS	
401	16C 66 022	Ngô Đại Phú	Nam	19/07/1993	Đồng Nai	Di truyền học	Tự do	
402	16C 66 023	Nguyễn Hoàng Thiên	Nam	05/01/1994	TP. Hồ Chí Minh	Di truyền học	CTS	
403	16C 66 024	Lư Thanh Vọng	Nam	02/11/1993	Bình Thuận	Di truyền học	Tự do	

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC NĂM 2016

Kèm theo quyết định số 1958 /QĐ-KHTN-SDH ngày 23/12/2016
của Hiệu trưởng Trường ĐH KH TN

Stt	Mã số HV	Họ và tên	GT	Ngày sinh	Nơi sinh	Ngành	Đối tượng	Cơ quan công tác
404	16C 67 001	Bùi Thị Hồng Chiên	Nữ	22/03/1993	Vĩnh Phú	Công nghệ sinh học		
405	16C 67 002	Lê Thị Mỹ Dung	Nữ	12/10/1992	Đồng Nai	Công nghệ sinh học		
406	16C 67 003	Lê Thị Ngân Hà	Nữ	10/06/1993	Tây Ninh	Công nghệ sinh học		
407	16C 67 004	Trần Anh Hoàng	Nam	08/11/1992	Hà Tĩnh	Công nghệ sinh học		
408	16C 67 005	Nguyễn Hoàng Chi	Nữ	24/09/1990	TP. Hồ Chí Minh	Công nghệ sinh học		
409	16C 67 006	Nguyễn Thị Hằng Ni	Nữ	02/02/1992	Gia Lai	Công nghệ sinh học		
410	16C 67 007	Trần Mai Ân Phúc	Nam	27/10/1988	TP. Hồ Chí Minh	Công nghệ sinh học		
411	16C 67 008	Trần Diệu Thái	Nữ	04/03/1992	TP. Hồ Chí Minh	Công nghệ sinh học		
412	16C 67 009	Trần Ngọc Thắm	Nữ	12/06/1989	Tiền Giang	Công nghệ sinh học		
413	16C 67 011	Phan Đình Phương Thảo	Nữ	02/09/1992	Bà Rịa - Vũng Tàu	Công nghệ sinh học		
414	16C 67 012	Đặng Thị Thu Thảo	Nữ	03/05/1993	Bến Tre	Công nghệ sinh học	CTS	
415	16C 67 013	Nguyễn Võ Thu Thảo	Nữ	20/10/1991	Đồng Tháp	Công nghệ sinh học	CTS	
416	16C 67 014	Nguyễn Phạm Ngọc Thiều	Nữ	19/05/1992	TP. Hồ Chí Minh	Công nghệ sinh học		
417	16C 67 015	Hà Quang Bảo Thịnh	Nam	15/10/1993	Bình Định	Công nghệ sinh học	CTS	
418	16C 67 016	Nguyễn Ngọc Hiếu	Nam	07/07/1992	Quảng Nam	Công nghệ sinh học	Tự do	
419	16C 67 017	Nguyễn Văn Hương	Nữ	30/12/1993	Đồng Tháp	Công nghệ sinh học	Tự do	
420	16C 67 018	Ngô Đông Kha	Nữ	26/07/1993	Đồng Tháp	Công nghệ sinh học	Tự do	
421	16C 67 019	Lê Trí Kiêng	Nam	15/07/1993	Đồng Tháp	Công nghệ sinh học	CTS	
422	16C 67 020	Đào Mỹ Linh	Nữ	21/12/1994	Kon Tum	Công nghệ sinh học	CTS	
423	16C 67 021	Đào Mỹ Ly	Nữ	18/12/1994	Bình Định	Công nghệ sinh học	Tự do	
424	16C 67 022	Đỗ Ngọc Thanh Mai	Nữ	10/09/1990	Ninh Thuận	Công nghệ sinh học	Tự do	
425	16C 67 023	Từ Tiểu My	Nữ	25/04/1993	Quảng Ngãi	Công nghệ sinh học	CTS	
426	16C 67 024	Huỳnh Nguyễn Minh Nghĩa	Nam	24/06/1994	TP. Hồ Chí Minh	Công nghệ sinh học	Tự do	
427	16C 67 025	Lê Trung Nghĩa	Nam	25/04/1993	Quảng Nam	Công nghệ sinh học	CTS	
428	16C 67 026	Huỳnh Nhi	Nữ	11/03/1993	An Giang	Công nghệ sinh học	CTS	
429	16C 67 027	Nguyễn Huỳnh Mai Nhi	Nữ	09/02/1993	TP. Hồ Chí Minh	Công nghệ sinh học	CTS	Công ty TNHH Tanida Pharma
430	16C 67 028	Nguyễn Thị Hân Ny	Nữ	24/10/1982	Đồng Nai	Công nghệ sinh học	Tự do	
431	16C 67 029	Huỳnh Kiến Quang	Nam	19/11/1994	Kiên Giang	Công nghệ sinh học	Tự do	
432	16C 67 030	Phạm Phước Sang	Nam	29/05/1991	An Giang	Công nghệ sinh học	Tự do	
433	16C 67 031	Nguyễn Thị Thương	Nữ	10/05/1994	Bình Thuận	Công nghệ sinh học	Tự do	
434	16C 67 032	Võ Thị Phương Trang	Nữ	27/08/1982	Long An	Công nghệ sinh học	Kiểm nghiệm	TT KN DP - MP Long An

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC NĂM 2016
Kèm theo quyết định số 1958/QĐ-KHTN-SDH ngày 23/12/2016
của Hiệu trưởng Trường ĐH KH TN

Stt	Mã số HV	Họ và tên	GT	Ngày sinh	Nơi sinh	Ngành	Đối tượng	Cơ quan công tác
435	16C 67 033	Lê Văn Trung	Nam	10/07/1972	Quảng Trị	Công nghệ sinh học	Giáo viên	Trường THPT Trần Phú
436	16C 67 034	Trần Thanh Trường	Nam	21/08/1994	Bình Thuận	Công nghệ sinh học	Tự do	
437	16C 67 035	Nguyễn Thị Tuyết	Nữ	11/08/1994	Khánh Hòa	Công nghệ sinh học	Tự do	
438	16C 67 036	Lý Hải Triều	Nam	07/11/1994	Long An	Công nghệ sinh học	Tự do	
439	16C 71 001	Tạ Quốc An	Nam	31/10/1989	Bến Tre	Địa chất học		
440	16C 71 002	Nguyễn Thị Huệ	Nữ	27/09/1993	Đồng Tháp	Địa chất học	CTS	
441	16C 71 003	Hoàng Mạnh Cường	Nam	28/05/1989	TP. Hà Nội	Địa chất học		
442	16C 71 004	Lê Minh Thu Hiền	Nữ	27/11/1991	TP. Hồ Chí Minh	Địa chất học		
443	16C 71 005	Nguyễn Minh Nhứt	Nam	10/08/1990	An Giang	Địa chất học		
444	16C 71 006	Nguyễn Thị Thu Thủy	Nữ	03/12/1984	Nam Định	Địa chất học		
445	16C 71 007	Quách Tuấn Trương	Nam	09/03/1989	Cà Mau	Địa chất học		
446	16C 71 008	Nguyễn Thị Trường Giang	Nữ	01/07/1994	Quảng Nam	Địa chất học	CTS	
447	16C 71 009	Trần Xuân Hòa	Nam	08/04/1994	Đồng Nai	Địa chất học	CTS	
448	16C 71 010	Võ Minh Kha	Nam	22/08/1986	Đồng Tháp	Địa chất học	Nghiên cứu viên	
449	16C 71 011	Đặng Văn Long	Nam	01/05/1994	Quảng Ngãi	Địa chất học	Tự do	
450	16C 71 012	Lâm Văn Phương	Nam	17/12/1989	Sông Bé	Địa chất học	Tự do	
451	16C 71 013	Lê Hồng Sáng	Nam	20/05/1991	Hà Tĩnh	Địa chất học	Kỹ sư	Liên đoàn bản đồ địa chất miền nam
452	16C 71 014	Nguyễn Minh Tài	Nam	12/06/1994	Đồng Tháp	Địa chất học	Tự do	
453	16C 71 015	Nguyễn Hữu Tâm	Nam	10/09/1991	Bình Thuận	Địa chất học	Kỹ sư	Liên đoàn bản đồ địa chất miền nam
454	16C 82 001	Lê Phước Gia Bảo	Nữ	18/06/1993	TP. Hồ Chí Minh	Quản lý tài nguyên và môi trường		
455	16C 82 003	Nguyễn Bá Hiếu	Nam	01/01/1992	Đồng Tháp	Quản lý tài nguyên và môi trường		
456	16C 82 004	Huỳnh Thị Luông	Nữ	08/01/1993	Bến Tre	Quản lý tài nguyên và môi trường		
457	16C 82 005	Trần Nhữ Phương	Nam	27/06/1993	Khánh Hòa	Quản lý tài nguyên và môi trường		
458	16C 82 006	Phạm Anh Tài	Nam	27/11/1993	Đồng Nai	Quản lý tài nguyên và môi trường		
459	16C 82 007	Nguyễn Kim Thủy	Nữ	16/11/1992	Tiền Giang	Quản lý tài nguyên và môi trường		
460	16C 82 008	Phạm Trần Ngọc Bích	Nữ	31/08/1993	TP. Hồ Chí Minh	Quản lý tài nguyên và môi trường	Tự do	
461	16C 82 009	Nguyễn Hoài Phương	Nam	01/07/1993	Bến Tre	Quản lý tài nguyên và môi trường	Tự do	
462	16C 82 010	Nhâm Thị Thu Hiền	Nữ	01/11/1993	Bà Rịa - Vũng Tàu	Quản lý tài nguyên và môi trường	Tự do	
463	16C 82 011	Lê Thị Mỹ Kim	Nữ	03/03/1994	Bà Rịa - Vũng Tàu	Quản lý tài nguyên và môi trường	Tự do	
464	16C 82 012	Lê Thị Thúy Loan	Nữ	30/04/1987	Bình Phước	Quản lý tài nguyên và môi trường	Giảng Viên	ĐH Tây Nguyên
465	16C 82 013	Phan Ngọc Minh	Nữ	21/06/1994	Kiên Giang	Quản lý tài nguyên và môi trường	Tự do	

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC NĂM 2016
Kèm theo quyết định số 1958/QĐ-KHTN-SDH ngày 23/12/2016
của Hiệu trưởng Trường ĐH KH TN

Stt	Mã số HV	Họ và tên	GT	Ngày sinh	Nơi sinh	Ngành	Đối tượng	Cơ quan công tác
466	16C 82 014	Nguyễn Thị Thanh Nguyệt	Nữ	18/07/1994	Bà Rịa - Vũng Tàu	Quản lý tài nguyên và môi trường	CTS	
467	16C 82 015	Trương Ngọc Lan Phương	Nữ	10/04/1994	Vĩnh Long	Quản lý tài nguyên và môi trường	Tự do	
468	16C 82 016	Bùi Minh Tiến	Nam	15/02/1991	Đồng Nai	Quản lý tài nguyên và môi trường	Tự do	
469	16C 82 017	Nguyễn Thị Thùy Trang	Nữ	19/09/1992	Bến Tre	Quản lý tài nguyên và môi trường	Tự do	
470	16C 82 018	Nguyễn Thị Tú Trinh	Nữ	22/08/1994	Sông Bé	Quản lý tài nguyên và môi trường	Tự do	
471	16C 91 001	Nguyễn Ngọc Tuấn Anh	Nam	26/02/1992	TP. Hồ Chí Minh	Khoa học vật liệu		
472	16C 91 003	Huỳnh Trọng Phát	Nam	02/02/1985	TP. Hồ Chí Minh	Khoa học vật liệu		
473	16C 91 004	Từ Hoàn Phúc	Nam	28/12/1992	Bến Tre	Khoa học vật liệu		
474	16C 91 005	Nguyễn Văn Hoàng	Nam	29/12/1991	Quảng Nam	Khoa học vật liệu	Tự do	
475	16C 91 006	Nguyễn Văn Nhi	Nữ	22/08/1993	Tiền Giang	Khoa học vật liệu	Tự do	
476	16C 91 007	Đào Minh Tuấn	Nam	21/01/1993	TP. Hồ Chí Minh	Khoa học vật liệu	Tự do	

Tổng cộng danh sách có **476** học viên cao học